TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ MỸ** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS- ST
Ngày 15-01-2018.
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Minh Thân

2. Ông Lưu Văn Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

***- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Bình-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:133/2017/TLST-DS, ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:351/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn VA, xã MC, huyện Phù Mỹ, Bình Định ,có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn V, sinh năm 1984 (vắng mặt) và bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1988(có mặt); địa chỉ: Thôn VA, xã MC, huyện Phù Mỹ, Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Văn V: Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn VA, xã MC, huyện Phù Mỹ, Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn V (Giấy ủy quyền ngày 29/12/2017), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2015 âm lịch, vợ chồng ông Đặng Văn V, bà Phạm Thị Hồng N vay của bà H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tiếp đó, ngày 04 tháng 02 năm 2016, vợ chồng ông V, bà N vay của bà H 115.500.000 đồng (một trăm mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Đến ngày 19/01/2017, vợ chồng ông V, bà Nvay tiếp của bà H 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Tổng cộng: 165.500.000 đồng (một trăm sáu lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Khi vay tiền, vợ chồng ông V, bà N có viết giấy vay để làm bằng chứng. Nhiều lần, bà H yêu cầu vợ chồng ông V, bà N trả nợ nhưng vợ chồng ông Vương, bà Ngự không trả. Tại phiên hòa giải ngày 03/11/2017, bà Hiệp đã thỏa thuận chấp nhận cho vợ chồng ông V, bà N 15.500.000 đồng, chỉ yêu cầu ông V, bà Ntrả cho bà 150.000.000 đồng trong thời gian 3 năm, kể từ ngày hòa giải. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận, ông V đã dùng lời lẽ thách đố với chồng bà H, không có thiện chí thực hiện việc thỏa thuận. Vì vậy, ngày 06/11/2017, bà H thay đổi thỏa thuận với vợ chồng ông V, bà N đã xác lập tại Tòa án.Nay, bà H yêu cầu vợ chồng ông V, bà N trả dứt điểm cho bà 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và phải tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày bà viết đơn khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm. Bà H chấp nhận cho vợ chồng ông V, bà N 15.500.000 đồng tiền gốc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2017 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị Hồng N trình bày: Bà N xác định, vợ chồng còn nợ của bà Hsố tiền: 135.500.000(một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng. Nay bà H yêu cầu bà trả số tiền 165.500.000 đồng thì bà Nkhông chấp nhận. Bà Nchỉ chấp nhận trả cho bà Hkhoản nợ 135.500.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật quy định nhưng do điều kiện gia đình khó khăn bà N xin trả dần.

Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 19/5/2015 bà N xác định là bà H đã gộp chung trong giấy nợ ngày 04/02/2016 với số tiền: 115.500.000 đồng. Tuy nhiên, khi nhập số nợ 30.000.000 đồng vào khoản nợ 115.500.000 đồng thì bà N không yêu cầu bà H trả lại giấy nợ 30.000.000 đồng. Bởi vì, lúc đó bà H cam kết sẽ tự xóa giấy nợ này. Nay, bà H không xóa giấy nợ 30.000.000 đồng mà đem khởi kiện đến Tòa án nên bà N không chấp nhận trả khoản tiền 30.000.000 đồng theo giấy nợ ngày19/5/2015.

Tại phiên hòa giải ngày 03/11/2017, vợ chồng bà N đã thỏa thuận với bà H là vợ chồng bà N còn nợ của bà H 150.000.000 đồng và trả hết nợ cho bà H trong thời gian 03 năm, kể từ ngày hòa giải.Nhưng ngày 06/11/2017, bà Hđã thay đổi ý kiến, yêu cầu vợ chồng bà Ntrả dứt điểm 150.000.000 đồng cho bà. Bà Nkhông chấp nhận yêu cầu của bà H, vì cho rằng: Tiền bà N mượn

của bà H là tiền bà N lén chồng chơi hụi nên khi đổ vỡ thì bà H đến nhà bà Ncộng hết số tiền lại, vừa gốc, vừa lãi là: 115.500.000 đồng. Đây là số nợ do một mình bà N ký tên trong giấy nợ, chồng bà N là ông Đặng Văn V không hề biết khoản nợ này. Còn số nợ 50.000.000 đồng, chồng của bà N có ký vào giấy nợ cùng với bà N nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Khi Tòa án hòa giải, bà H chấp nhận cho vợ chồng ông V, bà N 15.500.000 đồng tiền gốc và yêu cầu vợ chồng bà N trả 150.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm nên chồng bà N chấp nhận cùng bà N trả khoản nợ riêng của bà N 100.000.000 đồng. Nhưng nay, bà H thay đổi việc thỏa thuận nên bà N không chấp nhận yêu cầu của bà H cho rằng số nợ 150.000.000 đồng là khoản nợ chung của vợ chồng bà. Bà N xác định: Vợ chồng bà, nợ bà H 50.000.000 đồng. Còn riêng bà N, nợ của bà H 100.000.000 đồng. Bà N chấp nhận trả nợ cho bà H, nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên bà N xin trả dần số nợ trên.

Tại bản khai ngày 03/11/2017 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đặng Văn V trình bày:Vợ chồng ông hiện nợ của bà H số tiền 50.000.000 đồng (qua hai giấy nợ 30.000.000 đồng ngày 19/5/2015 và giấy nợ 20.000.000 đồng ngày 19/01/2017) để phát triển kinh tế gia đình, nhưng do điều kiện gia đình làm ăn khó khăn nên chưa trả nợ cho bà H. Ông V xin trả dần khoản tiền gốc 50.000.000 đồng cho bà H và xin khoản tiền lãi.

Đối với khoản nợ 115.500.000 đồng bà H yêu cầu vợ chồng ông V trả thì ông V không chấp nhận, vì ông không ký vào giấy nợ của khoản nợ 115.500.000 đồng mà chỉ một mình vợ ông ký.

Tại phiên hòa giải ngày 03/11/2017, do bà H cho vợ chồng ông 15.500.000 đồng, chỉ yêu cầu vợ chồng ông trả 150.000.000 đồng và trả hết khoản nợ này trong thời gian 03 năm kể từ ngày hòa giải, nên ông V mới chấp nhận cùng trả khoản nợ riêng của vợ. Nhưng nay, bà H đã thay đổi ý kiến, thì ông V chỉ chấp nhận vợ chồng ông trả cho bà H 50.000.000 đồng . Còn số nợ 115.500.000 đồng là nợ riêng của vợ ông với bà H, ông V không chịu trách nhiệm khoản nợ này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn; bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị H. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn V, bà Phạm Thị Hồng N trả cho bà H 150.000.000 đồng và phải tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày bà viết đơn khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị H cung cấp 02 giấy mượn tiền có chữ ký của ông V, bà N (giấy mượn tiền 62.660.000 đồng ngày 19/5/2015 và giấy mượn tiền 50.000.000 đồng ngày 17/12/2015). Theo trình bày của bà H, đây là 02 giấy mượn tiền được nhập chung vào giấy mượn tiền115.500.000 đồng ngày 04/02/2016 do bà N viết và ký tên (trong đó, tiền gốc 112. 660.000 đồng, tiền lãi 2.840.000 đồng). Bà H đã cam kết là không đưa hai giấy mượn tiền này để đòi ông V, bà N trả nợ. Nhưng vì, ông V, bà N cho rằng, giấy mượn tiền115.500.000 đồng ngày 04/02/2016 chỉ do một mình bà N viết và ký tên nên không thừa nhận nợ chung của vợ chồng. Do đó, bà Huỳnh Thị H cung cấp 02 giấy mượn tiền này để chứng minh khoản nợ 115.500.000 đồng theo giấy nợ ngày 04/02/2016 do bà Nviết là nợ chung của vợ chồng ông V, bà N.

Bà N cũng thừa nhận chữ ký trong hai giấy mượn tiền 62.660.000 đồng ngày 19/5/2015 và giấy mượn tiền 50.000.000 đồng ngày 17/12/2015 do bà H cung cấp tại phiên tòa là chữ ký của ông V, bà N. Ngoài ra, bà N không cung cấp chứng cứ gì khác để chứng minh số nợ 115.500.000 đồng là nợ riêng của bà N.

[2] Về nội dung: Xem xét tất cả các chứng cứ do bà Huỳnh Thị H cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:Việc vợ chồng ông V, bà N cho rằng, khoản nợ 115.500.000 đồng theo giấy nợ ngày 04/02/2016 do bà N viết là khoản nợ riêng của bà N là không có căn cứ. Bởi vì, đây là khoản nợ được nhập chung từ 02 giấy mượn tiền do ông V, bà N ký nợ ,gồm: giấy mượn tiền 62.660.000 đồng ngày 19/5/2015 và giấy mượn tiền 50.000.000 đồng ngày 17/12/2015, trong đó, tiền gốc 112.660.000 đồng, tiền lãi 2.840.000 đồng). Hơn nữa, trong giấy nợ 115.500.000 đồng ngày 04/02/2016 do bà N viết cũng xác định khoản nợ này là của vợ chồng ông V, bà N. Ngoài ra, bà N cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh được giấy mượn tiền 30.000.000 đồng ngày 19/5/2017 do ông V viết, có chữ ký của ông V, bà N đã được nhập chung vào giấy mượn tiền 115.500.000 đồng ngày 04/02/2016 do bà N viết và ký tên. Trong khi đó, chính ông V là người viết giấy mượn tiền lại không biết về việc này. Ngoài ra,tại phiên tòa, bà N thừa nhận khoản nợ hụi của bà đối với bà H mục đích để lo cho cuộc sống kinh tế gia đình chứ bà không sử dụng vào mục đích riêng nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định, hiện nay vợ chồng ông V, bà N của bà H 165.500.000 đồng. Xét yêu cầu của bà H, chỉ đòi ông V, bà N trả cho bà số tiền:150.000.000 đồng và phải tính lãi từ khi khởi kiện đến khi xét xử theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật

dân sự. Vợ chồng ông V, bà N phải có trách nhiệm trả cho bà H 150.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi được tính với lãi suất 0,83%/tháng x 4,5 tháng x 150.000.000 đồng = 5.602.500 đồng. Tổng cộng: 155. 602.500 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Đặng Văn V, bà Phạm Thị Hồng N phải chịu 7.780.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; của Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Buộc Vợ chồng ông Đặng Văn V, bà Phạm Thị Hồng N trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền:155. 602.500 đồng(một trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng, trong đó: 150.000.000 đồng tiền gốc và 5.602.500 đồng tiền lãi).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Đặng Văn V, bà Phạm Thị Hồng N phải chịu 7.780.000 (bảy triệu bảy trăm tám mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.125.000 (bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 03211 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các bên đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ
- TA tỉnh
- Lưu VP- HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thành